TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 20-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Bà Phạm Thị Hồng Nguyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc L, sinh năm 1998. Nơi sinh, nơi cư trú: Xóm 3, Nghĩa Xá, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Lợi, sinh năm 1971 và bà Mai Thị Quế, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 31-8-2017 bị TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" chấp hành xong hình phạt ngày 17-10-2018; nhân thân: Ngày 02-10-2012 bị đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 3765 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; ngày 17-11-2015, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 28-6-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 23-5-2017, bị Công an huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản"; bị

cáo bị tạm giữ từ ngày 04-10-2019 đến ngày 13-10-2019 chuyển tạm giam cho đến nay. "Có mặt"

2. Trần Xuân D, sinh năm 2000. Nơi sinh: Xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ĐK HKTT: Xóm Lạc Quần, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Vỹ, sinh năm 1975 và bà Mai Thị Tuế, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04-11-2019 cho đến nay. "Có mặt"

- ***Bị hại:*** Bà Mai Thị C, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Xóm 7, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- ***Người làm chứng:***

1. Anh Mai Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 7, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

2. Ông Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm 7, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

3. Bà Đinh Thị Hoa Nh, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 7, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

4. Chị Bùi Thị Ph, sinh năm 1985; nơi cư trú: Chợ Đường, xã LH, huyện TN, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

5. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm Lạc Quần, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965; nơi cư trú: Xóm 3, Nghĩa Xá, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

7. Anh Trần Tiến D1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Xóm Lạc Quần, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

8. Chị Bùi Thị Nh1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm Lạc Quần, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

9. Đinh Văn H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm 8, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- ***Người chứng kiến:***

1. Ông Phạm Văn L2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm 3, Nghĩa Xá, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị Ánh T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm 3, Nghĩa Xá, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

3. Ông Trần Văn V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm Lạc Quần, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 03-10-2019, Phạm Ngọc L mang theo 01 túi đeo giả da màu đen bên trong có 01 kìm điện, 01 tô vít dài đi bộ đến khu vực xã Hải Vân, huyện Hải Hậu phát hiện thấy nhà chị Mai Thị C khóa cửa nhưng không có người trông coi nên L dùng tô vít phá khóa cửa nhà, cạy cánh cửa tủ, lấy được 1 ví bên trong có 18.000.000 đồng và 1.000 đô la Mỹ. Sau khi lấy được tiền, L đến cửa hàng điện thoại H1 Trung ở xóm Lạc Quần, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony mà L đã mang đến sửa trước đó và mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR giá 15.500.000 đồng. Sau đó, L gọi điện cho Trần Xuân D đến đón. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 18F1-258.91 chở L đến cửa hàng vàng bạc Kim Châu ở xóm 8, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường bán cho anh Đinh Văn H1 là nhân viên cửa hàng 200 đô la Mỹ với giá 4.634.000 đồng. Tiếp đó D chở L đến cửa hàng điện tử của chị Bùi Thị Ph ở Chợ Đường, xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh để mua tivi nhưng không có loại cần mua nên L đặt cọc tại cửa hàng chị Ph 500.000đ. Trên đường về, L đến cửa hàng vàng bạc Tân Trang ở xóm Lạc Quần, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường bán cho chị Bùi Thị Nh là chủ cửa hàng 800 đô la Mỹ lấy 18.400.000 đ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L rủ D lên Hà Nội mua ma túy đá về cùng sử dụng. L và D cùng thuê xe taxi đi đến khu vực phố Định Công, quận H1 Mai, thành phố Hà Nội, L và D gặp một người đàn ông không quen biết khoảng 40 tuổi mua một gói ma túy đá được gói bằng ni lông màu trắng với giá 2.600.000 đồng rồi cả hai đi taxi về nhà L. Khi về đến nhà, L bảo D chia nhỏ gói ma túy đá để dễ sử dụng và cùng sử dụng dần. L và D chia được khoảng 8 gói thì không chia nữa và bỏ ra cùng nhau sử dụng 01 gói nhỏ. Sau khi sử dụng xong, L đưa cho D 01 gói, D cầm bỏ vào trong một chiếc loa để gầm giường trong phòng ngủ của L. Còn L cầm gói ma túy đá to và 06 gói nhỏ đã đóng gói cất giấu vào trong loa thùng ở cầu thang nhà L. Số tiền trộm cắp được, L cất giấu dưới đệm 5.000.000 đồng, dưới pho tượng gỗ trên kệ tivi 9.000.000 đồng. Sau đó, L rủ D sang bãi tắm thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy chơi. Khi đi, L mang theo 01 gói ma túy đá nhỏ để sử dụng cùng D. Đến khoảng 06 giờ ngày 04-10-2019, L và D đi taxi về nhà L, khi về nhà L, D lấy gói ma túy đá cất trong chiếc loa bỏ ra giường và bảo L cất đi, khi nào D sang nhà thì cùng sử dụng rồi D đi về nhà.

Quá trình điều tra, xác minh, vào hồi 12 giờ ngày 04-10-2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc L, thu giữ: 07 gói ni lông bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong chiếc loa thùng ở cầu thang; 15.675.000 đồng; 01 ví giả da màu đen

đỏ đã cũ; 01 điện thoại Iphone XR; 01 chiếc túi đeo giả da màu đen, ở góc bên trái phía dưới có chữ Jeep bên trong có: 01 kìm điện; 01 tô vít; 01 chiếc áo phông màu trắng cổ tròn; 01 quần đùi màu đen; 01 mũ lưỡi trai là trang phục L mặc khi thực hiện trộm cắp tài sản. Sau đó giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Ngọc L. Quá trình điều tra, chị Bùi Thị Ph là chủ cửa hàng điện tử không biết L trộm cắp mà có nên đã tự nguyện nộp lại số tiền 500.000 đồng mà L đặt cọc mua ti vi để trả lại cho bị hại.

Tại bản kết luận giám định số 440/GĐKTHS ngày 06-10-2019 của Phòng kỹ Th hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: "Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 07 gói ni lông màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng 4,131 gam".

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31a/KL – HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc điện thoại Iphone XR có trị giá 11.500.000 đồng.

Theo công văn số 974 ngày 14-10-2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Nam Định thì tỷ giá quy đổi 1.000 đô la Mỹ thời điểm ngày 03-10-2019 là 23.140.000đ.

Như vậy, tổng số tiền được tính bằng Việt Nam đồng mà Phạm Ngọc L trộm cắp của chị Mai Thị C là 41.140.000đ. Quá trình điều tra, chị C là bị hại xin nhận chiếc điện thoại Iphone XR mà L đã mua nên cơ quan điều tra đã trả cho chị C chiếc điện thoại Iphone XR và số tiền 16.175.000đ. Tổng số tiền chị C đã nhận là 27.675.000đ.

Cáo trạng số 02/CT-VKSHH ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo Phạm Ngọc L về tội "Trộm cắp tài sản" theo 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Xuân D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L nhận trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho chị Mai Thị C số tiền 13.645.000đ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 06 năm 03 tháng đến 7 năm 03 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân D từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc L tiếp tục bồi thường cho chị Mai Thị C số tiền 13.645.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Ngọc L, Trần Xuân Dương tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Bản kiểm điểm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Khoảng 15 giờ ngày 03-10-2019, Phạm Ngọc L phát hiện thấy nhà chị Mai Thị C, sinh năm 1975 ở xóm 7, xã Hải Vân, huyện Hải Hậu khóa cửa, không có người trông coi, L dùng tô vít cậy cửa, lẻn vào trong nhà lấy 18.000.000 đồng và 1.000 đô la mỹ, quy đổi tổng số tiền Việt Nam đồng mà L chiếm đoạt là 41.140.000 đồng. Khoảng 19 ngày 03-10-2019, Phạm Ngọc L rủ Trần Xuân D lên phố Định Công, quận H1 Mai, thành phố Hà Nội gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói Methamphetamine trị giá 2.600.000 đồng rồi mang về nhà L cùng chia nhỏ và cất giấu để L và D sử dụng dần. Đến 12 giờ ngày 04-10-2019, Công an huyện Hải Hậu khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc L thu giữ 07 gói Methamphetamine có khối lượng 4,131 gam. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trần Xuân D đã đủ yếu tố cấu

thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện K iểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Phạm Ngọc L không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý, hoang mang bất bình trong nhân dân. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo L và bị cáo D không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Ma tuý đã và đang gây tác hại xấu cho sức khoẻ của người sử dụng; làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, làm khánh kiệt về kinh tế, phá hoại hạnh phúc gia đình và chính ma tuý là nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm và làm lan truyền nhiều loại bệnh dịch nguy hiểm. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", có hình thức đồng phạm, nhưng giản đơn. Bị cáo Phạm Ngọc L là người khởi xướng, trực tiếp bỏ tiền mua ma túy, trực tiếp cất giấu ma túy để cùng sử dụng với Trần Xuân D nên giữ vị trí số 1 trong vụ án. Khi được L rủ rê, lôi kéo thì Trần Xuân D đã đồng ý cùng đi mua ma túy, cùng về chia ma túy và cùng sử dụng ma túy với L nên Trần Xuân D giữ vị trí thứ yếu trong tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với tội "Trộm cắp tài sản": Bị cáo Phạm Ngọc L một mình thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù D chở L đi bán số tiền đô la mỹ mà L trộm cắp được nhưng D không biết đây là tiền do L trộm cắp mà có nên Phạm Ngọc L phải chịu trách nhiệm độc lập về tội "Trộm cắp tài sản".

[5] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Ngọc L là người có nhân thân xấu; có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 02 lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản đến nay đã được xóa án tích; 01 lần bị xử lý hành chính vì có hành vi trộm cắp tài sản và đã từng bị đưa vào trường giáo dưỡng. Bị cáo đã có thời gian được giáo dục, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục hành vi phạm tội, do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Xuân D có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nên cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo D.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Xuân D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Phạm Ngọc L có 01 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí vai trò đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên: Xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo thì thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 18F1- 258.91 thu giữ là tài sản hợp pháp của anh Trần Tiến D1 là anh trai bị cáo Trần Xuân D, không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh Trần Tiến D1 quản lý, sử dụng là phù hợp pháp luật.

Số Methamphetamine trong phong bì thư niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định và chiếc túi đeo giả da màu đen, ở góc bên trái phía dưới có chữ Jeep bên trong có: 01 kìm điện; 01 tô vít là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc loa màu đen, trên mặt loa có chữ Crown màu vàng mà D, L dùng cất giấu ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc áo phông màu trắng cổ tròn, trước ngực áo có logo D&G màu đen; 01 quần đùi màu đen; 01 ví giả da màu đen đỏ đã cũ, 01 mũ lưỡi trai màu đen đã cũ thu giữ của Phạm Ngọc L. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của Phạm Ngọc L,tại phiên tòa, L xin không nhận lại tài sản này vì không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Phạm Ngọc L đã chiếm đoạt của chị Mai Thị C số tiền 41.140.000 đồng. Chị C đã nhận lại tài sản gồm tiền và chiếc điện thoại di động có tổng giá trị là 27.675.000 đồng. Còn lại số tiền 13.645.000 đồng chị C yêu cầu bị cáo L tiếp tục bồi thường. Bị cáo L nhất trí chịu trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho chị C. Do đó, bị cáo Phạm Ngọc L phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Mai Thị C số tiền 13.645.000 đồng.

[9] Đối với người đàn ông bán Methamphetamine cho L và D vào tối ngày 03-10-2019 tại khu vực phố Định Công, quận H1 Mai, thành phố Hà Nội, do L và D không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đinh Văn H1 và chị Bùi Thị Nh mua đô la mỹ của Phạm Ngọc L nhưng không biết do L trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm

hình sự đối với anh H1 và chị Nh. Tuy nhiên, hành vi mua bán ngoại tệ của anh H1 và chị Nh đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17-10-2014 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, thuộc thẩm quyền xử lý của công an huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định nên công an huyện Hải Hậu đã tách ra, chuyển công an huyện Xuân Trường xử lý theo thẩm quyền là phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo L, D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo L án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội ”Trộm cắp tài sản” và tội ”Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt Phạm Ngọc L 30 (ba mươi) tháng tù về tội ”Trộm cắp tài sản”; 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội ”Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Phạm Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 78 (Bảy mươi tám) tháng tù .Thời hạn tù chấp hành từ ngày 04-10-2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Xuân D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt Trần Xuân D 15 (mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù chấp hành từ ngày 04-11-2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Số Methamphetamine trong phong bì thư niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 933/GĐKTHS ngày 07-10-2019 của Phòng kỹ Th hình sự Công an tỉnh Nam Định và chiếc túi đeo giả da màu đen, ở góc bên trái phía dưới có chữ Jeep bên trong có: 01 kìm điện; 01 tô vít; 01 chiếc áo phông màu trắng cổ tròn, trước ngực áo có logo D&G màu đen; 01 quần đùi màu đen; 01 ví giả da màu đen đỏ đã cũ, 01 mũ lưỡi trai màu đen đã cũ.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc loa màu đen, trên mặt loa có chữ Crown màu vàng.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc L phải bồi thường cho chị Mai Thị C số tiền 13.645.000đ (mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Phạm Ngọc L,Trần Xuân D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Ngọc L phải nộp 682.000đ (sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 03 bản;
- UBND xã Xuân Ninh: 02 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng